

Tập 15

Xin coi A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ mười sáu:

(Sớ) Hựu dĩ Tứ Pháp Giới hội chi, tắc “thanh, trước, hướng, bối” thị Sự pháp giới. Linh minh tràm tịch thị Lý pháp giới. Linh minh tràm tịch nhi bất biến tùy duyên, thanh, trước, hướng, bối nhi tùy duyên bất biến, thị Lý Sự vô ngại pháp giới. Bất khả tư nghị thị Sự Sự vô ngại pháp giới. Dĩ thử kinh phần nhiếp u Viên, diệc đắc thiếu phần Sự Sự vô ngại cố. Mạt ngôn tự tánh, diệc thị kết thuộc Tứ Pháp Giới quy nhất tâm dã.

(疏)又以四法界會之，則清濁向背，是事法界。靈明湛寂，是理法界。靈明湛寂而不變隨緣，清濁向背而隨緣不變，是理事無礙法界。不可思議，是事事無礙法界。以此經分攝於圓，亦得少分事事無礙故。末言自性，亦是結屬四法界歸一心也。

(Sớ: Lại nữa, đem phối hợp với Tứ Pháp Giới thì “thanh, trước, hướng về, trái nghịch” là Sự pháp giới. “Linh minh tràm tịch” là Lý pháp giới. Linh minh tràm tịch nhưng bất biến, tùy duyên, “thanh, trước, hướng về, trái nghịch” tùy duyên nhưng bất biến là Lý Sự vô ngại pháp giới. “Chẳng thể nghĩ bàn” là Sự Sự vô ngại pháp giới. Do kinh này có vài phần thuộc về Viên Giáo nên cũng có được chút phần Sự Sự vô ngại; cuối cùng nói tới tự tánh thì cũng là gom bốn pháp giới về nhất tâm).

Đoạn kinh này có ý nghĩa khá sâu. Nếu từ chỗ này mà có thể thật sự hiểu được mấy phần, chúng ta sẽ chẳng mê mất phương hướng trong khi tu học Phật pháp. Người học Phật thì nhiều, người thành tựu hết sức ít ỏi. Vì sao chẳng thành tựu? Do mê mất phương hướng. Những điều được giảng mấy lượt ở đây đều nhằm giảng về đoạn văn thứ nhất “nêu ra tông chỉ (khai tông), minh thị ý nghĩa” trong lời tựa của tổ Liên Trì; [những điều này] đúng là cột mốc chỉ đường chính xác nhất cho sự tu học Đại Thừa Phật pháp của chúng ta, hoặc như chúng ta nói là Phật pháp [để tu học nhằm] “*thành tựu trong một đời*”, quyết chẳng thể coi thường. Đoạn lời tựa này chỉ gồm sáu câu, nhưng bao gồm ý nghĩa nhiều ngàn ấy. Như trong phần trên chúng ta đã thấy, dùng giáo nghĩa của kinh này để nói thì [những ý nghĩa trong sáu câu ấy] có thể phối hợp với Tam Đại, Tam Đức,

nay lại dựa theo Tứ Pháp Giới để giảng. Tứ Pháp Giới chính là giáo nghĩa trọng yếu trong kinh Hoa Nghiêm. Do vậy, nhất định phải hiểu rõ ràng định nghĩa của Tứ Pháp Giới.

(Diễn) Hựu dĩ Tứ Pháp Giới hạ, phối Tứ Pháp Giới.

(演) 又以四法界下，配四法界。

(Diễn: Từ câu “Lại nữa, đem Tứ Pháp Giới” trở đi là phối hợp [đoạn văn Minh Tánh trong lời tựa] với Tứ Pháp Giới).

Sáu câu trong lời tựa, nếu dựa theo giáo nghĩa Hoa Nghiêm [để luận định] thì có thông suốt hay không? Cũng thật thông suốt, thật sự vô ngại! Trước hết, giảng rõ “pháp giới” là gì?

(Diễn) Pháp giả, quỹ tắc dã.

(演) 法者，軌則也。

(Diễn: Pháp là quỹ tắc).

“Quỹ” (軌) là quỹ đạo (orbit); nói theo cách bây giờ là trình tự phát triển của vũ trụ và nhân sinh, nó có quy tắc, chẳng lộn xộn tí nào. Theo Duy Thức Luận thì: “*Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới vi duyên trướng lục thô*” (Vô minh bất giác sanh ra ba thứ tướng tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng sáu tướng thô). Đủ thấy nó có lớp lang không rối loạn, giống như quỹ đạo vậy. “Tắc” (則) là nguyên lý, nguyên tắc. Đây là Pháp. Hết thấy toàn bộ vũ trụ và nhân sinh đều bao gồm trong ấy, “*đại nhi thế giới, tiểu nhi vi trần*”: Lớn như vô lượng vô biên đại thiên thế giới, nhỏ như một vi trần, đều gọi là Pháp. Chữ này là danh xưng chung cho hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian.

(Diễn) Giới hữu tánh, phân nhị nghĩa.

(演) 界有性分二義。

(Diễn: “Giới” có hai nghĩa là Tánh và Phân).

Chữ Giới (界) có hai ý nghĩa, một là Tánh, hai là Phân (phân biệt, phân hạn). Ý nghĩa này quả thật tuyệt diệu đến cùng cực! “Giới” là giới hạn. Do vậy, nó có ý nghĩa phân biệt. Ví như kinh Phật thường nói “*thập*

bát giới”¹. Trong mỗi một pháp sẽ có một giới hạn, nhưng giới hạn ấy chính là “*tánh, phân*” của nó, [tức là] mỗi pháp trong hết thảy pháp đều có tánh chất, giới hạn riêng biệt. Đây là ý nghĩa của chữ Giới.

Ghép hai chữ này lại, gộp hai ý nghĩa ấy lại, trong Phật pháp gọi là “*pháp giới*”. Khi mê bèn có mười pháp giới, “*mười*” ở đây chẳng phải là một con số nhất định, chẳng phải là bảy, tám, chín, mười, mà chữ “*mười*” này nhằm biểu thị ý nghĩa “vô lượng, vô biên”. Nói cách khác, khi mê sẽ là vô lượng vô biên pháp giới; lúc ngộ, chỉ là một pháp giới, gọi là Nhất Chân pháp giới.

Mục tiêu học Phật là Nhất Chân pháp giới, quý vị ngàn vạn phần phải nhớ kỹ. Cũng có vị nói: “Tôi học Phật muốn mình tâm kiến tánh”. Minh tâm kiến tánh là Nhất Chân pháp giới, “tôi học Phật muốn Thượng Phẩm Thượng Sanh, muốn đắc Lý nhất tâm bất loạn”. Thượng Phẩm Thượng Sanh và Lý nhất tâm bất loạn cũng là Nhất Chân pháp giới, danh tự khác nhau nhưng là cùng một chuyện. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này: Chúng ta cầu Nhất Chân. Như thế nào mới hồng chứng được Nhất Chân? Chính là đắc nhất tâm. Quý vị phải hiểu: Cảnh giới bên ngoài là cảnh chuyển theo tâm, chứ không phải là tâm chuyển theo cảnh. Tâm chuyển theo cảnh thì đáng thương lắm! Đó là phàm phu, khổ chẳng kham nói nổi! Phật pháp giảng sự việc chân thật, tức là “*cảnh chuyển theo tâm*”: Tâm đã nhất thì pháp giới cũng nhất, là Nhất Chân; nếu tâm là hai thì pháp giới sẽ thiên sai vạn biệt. Đây là câu nói thông thường² trong nhà Phật.

¹ Thập bát giới: Phối hợp lục căn, lục trần, lục thức thành thập bát giới. Nói cách khác, thập bát giới lấy sự nhận thức của con người làm trung tâm. Lục căn có công năng nhận thức sự vật; lục trần tượng trưng cho đối tượng được nhận thức; lục thức là sự cảm thọ và hình thành quan niệm nhận thức đối với lục trần.

Phạm vi hoạt động của sáu căn, sáu thức và sáu trần được gọi chung là mười tám giới. Do vậy, ta có nhãn giới, nhĩ giới cho đến ý giới, sắc giới, thanh giới cho đến pháp giới và nhãn thức giới cho đến ý thức giới.

² Nguyên văn “*lão sanh thường đàm*”. Hiểu theo nghĩa đen, “*lão sanh thường đàm*” là những câu nói tâm thường của hạng thư sinh già cả, không đồ đạt gì. Thành ngữ này được dùng với ý nghĩa châm biếm: Những ý kiến ngôn luận, tâm thường của hạng học hành suốt đời mà vẫn lệt đệt thì chẳng phải là ý tứ cao xa gì! Thành ngữ này bắt nguồn từ thiên Quán Lộ Truyện trong Ngụy Chí của bộ sách Tam Quốc Chí: Vào thời Tam Quốc, ở nước Ngụy có một người tên Quán Lộ rất thích Thiên Văn, đặc biệt thông hiểu sâu xa kinh Dịch, thường hay đoán quẻ cho người khác, rất linh nghiệm, đến nỗi có lần Lại Bộ Thượng Thư Hà Yên đích thân mời Quán Lộ vào dinh xem bói. Hà Yên hỏi: “Phiền Ngài bói xem sau này tôi có làm đến chức Tam Công hay không? Hơn nữa, tôi liên tục nằm mộng thấy mười mấy con nhặng xanh bám vào chót mũi, đuổi không đi, chẳng biết là điềm gì?” Quán Lộ nói: “Xin cho phép tôi nói thẳng. Xưa kia,

Quý vị phải nhớ kỹ: Càng là câu nói tâm thường thì đó là chân lý, là pháp tối diệu. Thế nhưng người ta nghe nhầm tai, ngỡ nó chẳng đáng coi là kỳ diệu, bèn xem thường, lại coi những thứ chuyện kỳ quặc là tuyệt vời, thật chẳng biết chúng ta đã lầm lẫn ở chỗ này!

Do vậy, nếu quý vị học Phật mà thật sự muốn thành tựu trong một đời này thì quý vị phải nắm vững nguyên tắc “*nhất tâm*” này. Bất luận tu học pháp môn nào, tâm tuyệt đối chẳng dao động, quyết định chẳng hai. Ví như ta tu Tịnh Độ, ngẫu nhiên gặp bậc đại đức Thiên Tông đến đây giảng diễn Thiền, [bèn nghĩ]: “Pháp này cũng khá lắm, tôi cũng nên học theo ông ta”. Nếu vị đại đức nhà Thiền ấy thật sự là bậc cao nhân, quý vị theo ông ta học Thiền, ông ta nhất định hỏi quý vị: “Trước đây ông đã học môn gì?” “Tôi học Tịnh, nay muốn học Thiền”. Vị ấy liền đập quý vị ba mươi gậy, rồi bảo quý vị hãy đi đi, vì sao? Thấy lạ, nghĩ khác! Tâm quý vị chẳng chuyên nhất, chẳng thể nhập môn! Hôm nay quý vị nghe giảng Thiền bèn động tâm, hai hôm sau, bậc đại đức trong Mật Tông đến nói một chập, Mật cũng khá lắm, quý vị lại động tâm! Nói cách khác, quý vị vĩnh viễn chẳng thể thành tựu! Người thật sự thành tựu giữ vững một môn, những môn khác có thể nghe hay không? Có thể nghe, nhưng nghe xong thì “*chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*” như kinh Kim Cang đã nói. Sau đấy quý vị mới hiểu: Tịnh cũng hay, Thiền cũng hay, Mật cũng hay, vốn là một thứ. Quý vị động tâm là xong rồi, đây là tướng trạng “ít thiện căn, ít phước đức, ít nhân duyên”, kém thiện căn, kém phước đức đấy! Tâm chẳng thể chế ngự cảnh giới, vừa gặp cảnh giới tâm liền dao động ngay!

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử cao minh, Ngài chẳng động tâm, đến tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức chẳng bị dao động, vẫn là thật thà niệm Phật. Có sao biết Thiện Tài đồng tử thật thà niệm Phật? Vị thầy thứ nhất của Thiện Tài đồng tử là tỳ-kheo Đức Vân, dạy Ngài pháp môn Niệm Phật. Vị thầy thứ nhất quyết định chọn lựa pháp môn tu học suốt đời cho học trò, Ngài tu pháp môn Niệm Phật. Sau đấy,

Châu Công phù tá Thành Vương, thường dậy sớm ngồi chờ rạng sáng để vào chầu, tận tụy với chức vụ khiến cho quốc vận hưng thịnh, chư hầu các nước đều ủng hộ. Đây hoàn toàn là kết quả đúng theo lẽ trời, chứ không phải bói toán có thể đoán được. Hiện thời, Ngài quyền cao, oai thế lắm liệt, nhưng ít ai mếm mộ đức hạnh của Ngài, người khiếp sợ oai thế của Ngài thì đông! Đây chẳng phải là điều tốt lành! Sách tướng nói mũi nằm ở vị trí trung thiên, nặng xanh bám lên là điềm nguy ngập. Tôi mong Ngài hãy trên là noi theo Văn Vương, dưới bắt chước Khổng Tử thì sẽ có hy vọng làm đến Tam Công, đuổi được lũ nặng xanh”. Thượng Thư Đặng Dương ngồi cạnh, nghe lời ấy, bĩu môi: “*Thử lão sanh chi thường đàm!*” (Lời ấy nghe nhầm cả tai, có gì lạ đâu?)

bất luận đến nơi nào tham phỏng, cũng quyết định chẳng bỏ pháp môn Niệm Phật. Giống như tôi vừa mới nói đó, nghe nói tới Thiên chẳng niệm Phật, muốn tham Thiên, rồi lại thấy Mật, cũng chẳng tham Thiên nữa mà trì chú, xong luôn! Người ấy còn có thể thành đạo Vô Thượng hay chăng? Thiện Tài đồng tử niệm vị Phật nào vậy? Niệm A Di Đà Phật, Ngài tu pháp môn Tịnh Độ, đến cuối cùng tham phỏng Phổ Hiền Bồ Tát, “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, Ngài viên mãn Bồ Đề. Đây là sự thật mà kinh Hoa Nghiêm đã phơi bày trước mắt chúng ta. Nếu đọc kinh Hoa Nghiêm mà không thấy được điều này thì đã uổng công đọc kinh Hoa Nghiêm mất rồi!

Ai có đủ tư cách tham học? Quyết định là chẳng động tâm! Thứ gì cũng có thể nghe, thứ gì cũng có thể thấy, quyết định chẳng động tâm, nhất quyết chẳng lay động căn bản thì mới có thể thành tựu. Hôm nay tôi gặp vị pháp sư này khá lắm, tôi học với ông ta một chút; ngày mai nghe nói có vị pháp sư nọ cao minh hơn vị pháp sư này nhiều, tôi nhanh nhẩu đến thân cận ông ta. Tâm quý vị giống như cỏ mọc đầu tường, một trận gió bên ngoài khẽ thổi qua, liền lay động. Lại một hôm nữa, hóa thân của Thích Ca Mâu Ni Phật hiện đến, hóa thân của A Di Đà Phật cũng hiện đến, tâm hoa của quý vị bị nhiễu loạn, chẳng biết như thế nào mới là tốt! Thừa quý vị, những vị cao nhân ấy, những vị Phật, Bồ Tát ấy toàn là yêu ma quỷ quái, tôi nói thật đấy! Yêu ma quỷ quái là gì? Những người khiến cho căn bản của quý vị bị lay động thì là yêu ma quỷ quái. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: “*Cảnh giới không Phật cũng không ma, ma và Phật đều ở trong tâm của chính ông*”. Trong tâm quý vị đã nắm chắc, có chủ tể thì đối với bất cứ cảnh giới nào cũng chẳng chấp lấy tướng, chẳng động tâm, cảnh giới bên ngoài đều là Phật, Bồ Tát. Nếu quý vị thấy cảnh giới bên ngoài tâm liền động thì cảnh giới bên ngoài đều là ma, chẳng phải là Phật!

Do vậy, quý vị niệm Phật mà cầu nhất tâm, chắc chắn A Di Đà Phật chẳng thể hiện đến, vì sao? Do cái tâm của quý vị đã dao động, nếu A Di Đà Phật hiện đến, quý vị bèn vui thích, nhất tâm bất loạn đã sớm mất tiêu rồi! Chẳng phải là giống như Ngài đã hại chết quý vị hay sao? Vì thế, Phật chẳng đến. Phật chẳng đến là vì đại từ đại bi, nhằm thành tựu nhất tâm bất loạn cho quý vị. Khi nào quý vị niệm đạt đến mức công phu như như bất động, Phật có đến cũng như người bình thường đến, tâm chẳng hoan hỷ chút nào, Phật liền hiện ra trước mặt để khảo nghiệm xem quý vị có thành công hay chưa? Ma hiện trước mặt, cũng chẳng có tâm sợ hãi, quý vị mới có thể thành tựu nhất tâm bất loạn. Đến khi ấy, quý vị mới hoảng nhiên đại ngộ, cảnh giới vốn chẳng có Phật mà cũng không có ma, cảnh giới ấy

là Nhất Chân, chẳng hư vọng. Đây là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong tu học Phật pháp Đại Thừa, nhưng phạm phu phạm phải căn bệnh này chẳng nhẹ, chướng ngại sự thành tựu của chúng ta. Chẳng những là chướng ngại Hành môn, mà còn chướng ngại Giải môn.

Một pháp giới là chân thật, mười pháp giới là hư vọng. Chân tâm là nhất tâm, trông thấy cảnh giới bên ngoài là Nhất Chân pháp giới. Mê mất chân tâm, chân tâm biến thành tâm ý thức, nên [cảnh giới] bên ngoài mới được gọi là “mười pháp giới”. Do vậy, mười pháp giới là cái được thấy bởi vọng tâm, Nhất Chân pháp giới là cái được thấy bởi chân tâm. Thật ra, pháp giới bên ngoài đâu có một hay mười! Chỉ là do tâm của chính quý vị biến hiện! Phật pháp nói “*duy tâm sở hiện*”, cái được hiện là Nhất Chân, “*duy thức sở biến*”, Thức là vọng tâm, vọng tâm đầy khởi sự biến hóa. Hy vọng mọi người sẽ thấu hiểu sâu xa ý nghĩa này.

(Diễn) *Sự pháp giới, giới tự thị phân nghĩa.*

(演) 事法界界字是分義。

(Diễn: Trong từ ngữ “Sự pháp giới”, chữ Giới có nghĩa là Phân).

Chữ Giới trong “*Sự pháp giới*” có nghĩa là Phân, tức phân biệt.

(Diễn) *Dĩ chúng sanh sắc, tâm đẳng pháp, nhất nhất sai biệt, các hữu phân tế cố.*

(演) 以眾生色心等法，一一差別各有分劑故。

(Diễn: Do các pháp như sắc, tâm v.v... của chúng sanh, mỗi một pháp sai khác, phân chia rạch ròi).

“*Chúng sanh*” gồm hữu tình chúng sanh và vô tình chúng sanh. Chúng ta nói hữu tình chúng sanh có Phật Tánh, vô tình chúng sanh có Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh, là một chứ không phải hai tánh; nhưng trong Sự pháp giới, Sự là hoàn toàn nói theo mặt hình tướng, cho nên có phân biệt, có sai biệt. Ví như trong sắc pháp có Tứ Đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, tâm pháp có Thọ, Tưởng, Hành, Thức v.v... Nếu dùng Bách Pháp [Minh Môn Luận] để giảng thì có tám thức, năm mươi một Tâm Sở, hai mươi bốn pháp Bất Tương Ứng, đều thuộc về tâm pháp. Do vậy, mỗi một pháp đều sai biệt, “*nhất nhất sai biệt các hữu phân tế*” (mỗi một pháp sai biệt, phân chia rạch ròi). Nói theo cách bây giờ, “*phân tế*” là có giới hạn tột cùng, có hạn định tột cùng. Đây là ý nghĩa của chữ Sự pháp giới. Sự pháp giới là nói theo mặt sự tướng.

Nếu nói tới Lý pháp giới thì đã có Sự ắt sẽ có Lý. Chữ Giới trong “Lý pháp giới” có ý nghĩa khác với chữ Giới trong “Sự pháp giới”.

(Diễn) Lý pháp giới, Giới tự thị Tánh nghĩa.

(演) 理法界界字是性義。

(Diễn: Chữ Giới trong “Lý pháp giới” có nghĩa là Tánh).

“Sự” là Tướng, là tác dụng; ở đây, chủ yếu nói tới hiện tượng. Lý là nói về bản tánh. Lý là một, nơi hữu tình gọi là Phật Tánh, nơi vô tình gọi là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh. Do vậy. Chữ Giới này có nghĩa là Tánh. Nói cách khác, hết thảy các pháp do Lý này sanh ra.

(Diễn) Dĩ chúng sanh sắc, tâm đẳng pháp, tuy hữu sai biệt, đồng nhất thể tánh cố.

(演) 以眾生色心等法，雖有差別同一體性故。

(Diễn: Do các pháp như sắc, tâm v.v... của chúng sanh tuy có sai biệt, nhưng có cùng một thể tánh).

Từ Bách Pháp, chúng ta thấy tâm pháp và tâm sở pháp mỗi thứ gồm bốn phần (Tướng Phần, Kiến Phần, Tự Chứng Phần, Chứng Tự Chứng Phần). Những pháp ấy do Hộ Pháp Bồ Tát³ đặt ra, vị này cũng là tổ sư của pháp sư Huyền Trang. Thầy của pháp sư Huyền Trang là ngài Giới Hiền (Silabhadra). Sư phụ của luận sư Giới Hiền là Hộ Pháp Bồ Tát. Ngài dạy chúng ta Duy Thức; Tâm, Tâm Sở Pháp, mỗi pháp có bốn phần, nói hết sức viên mãn. Tánh là Tự Chứng Phần, Chứng Tự Chứng Phần là tự giác của Tự Chứng Phần. Chúng ta thường nói tới chữ Phật có nghĩa là Tự

³ Hộ Pháp Bồ Tát (Dharmapāla, 530-561), còn gọi là Hộ Pháp Luận Sư là một vị luận sư chủ chốt của Du Già Hạnh Duy Thức Tông (Yogacara) tại Trung Ấn Độ vào thế kỷ thứ sáu, sống cùng thời với luận sư Thanh Biện (Bhavyaviveka) là một luận sư lỗi lạc về Trung Quán. Ngài Hộ Pháp là học trò của ngài Trần Na (Dignāga), một vị đại sư về Nhân Minh Học. Ngài Hộ Pháp sanh tại Kiện Chí Phụ La (Kanchipura, nay thuộc vùng Tamil Nadu), là con của một vị đại thần, được vua gả công chúa cho, nhưng Ngài đã bỏ trốn đi xuất gia trong đêm trước ngày cử hành hôn lễ. Ngài nghiên cứu các học phái Tiểu Thừa và Đại Thừa, theo học tại học viện Nalanda, trở thành một bậc luận sư lỗi lạc. Về sau, Ngài kế tục ngài Trần Na, trở thành viện trưởng học viện Nalanda và nhập tịch dưới cội Bồ Đề. Ngài có những bộ luận nổi tiếng như Quảng Bách Luận Thích, Thành Duy Thức Bảo Sanh Luận, Quán Sở Duyên Duyên Thích v.v... Giống như Tăng Triệu của Phật Giáo Trung Quốc, ngài Hộ Pháp tài hoa lỗi lạc nhưng mất rất sớm, khi chưa đầy ba mươi hai tuổi.

Giác, Giác Tha, Giác Hạnh Viên Mãn. Chứng Tự Chứng Phần là Tự Giác, Kiến Phần là Giác Tha, Tha là Tướng Phần. Do vậy, Kiến Phần duyên Tướng Phần, mà cũng duyên Tự Chứng Phần. Chứng Tự Chứng Phần chỉ duyên Tự Chứng Phần, chẳng duyên Kiến Phần, mà cũng chẳng duyên Tướng Phần. Điều này chỉ rõ Tự Chứng Phần là bản thể, Kiến Phần là cái được sanh bởi nó (Tự Chứng Phần), Tướng Phần cũng do nó sanh ra. Do vậy, Kiến và Tướng có cùng một nguồn.

Tướng là hết thấy dấu vết, hình tướng, hết thấy sự, hết thấy hiện tượng. Trong phần trên đã nói tới Sự pháp giới thì Sự pháp giới là sự tướng từ trong bốn tánh biến hiện ra. Sự tướng tuy thiên sai vạn biệt (ngàn muôn phần sai khác), nhưng có cùng một bản thể. Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] nói là “*đồng nhất tánh thể cố*” (do có cùng một tánh thể). Do vậy, chữ Giới ở đây mang ý nghĩa “*thể tánh*”, còn chữ Giới trong phần trước (tức chữ Giới trong Sự pháp giới) mang ý nghĩa các thứ sai biệt. “Sai biệt” là mỗi pháp có giới hạn tốt cùng, phân chia rạch ròi; tánh thể không có giới hạn tốt cùng, thật sự vô lượng vô biên.

“*Sự pháp giới*”: Sự là nói về hiện tượng, “*Lý pháp giới*”: Lý là nói về bản thể. Sự nói về Pháp Tướng, Lý là nói về Pháp Tánh. Lại xem tiếp hai thứ pháp giới, tức “*Lý Sự vô ngại*” và “*Sự Sự vô ngại*” trong phần sau, nói về tác dụng, không có chướng ngại.

(Diễn) Sự Lý vô ngại pháp giới giả, Lý do Sự hiển, Sự đắc Lý thành, Lý Sự hỗ dung, tánh phân giao triệt cố.

(演) 事理無礙法界者，理由事顯，事得理成，理事互融，性分交徹故。

(Diễn:) Sự Lý vô ngại pháp giới là Lý do Sự hiển, Sự do Lý mà được thành. Lý và Sự dung nhập lẫn nhau, “*tánh*” và “*phân*” hòa nhập lẫn nhau).

Lý không có hình tướng, cũng chẳng có dấu vết, làm sao quý vị hiểu được? Dựa trên Sự sẽ biết. Đã có Sự ắt sẽ có Lý, không có Lý, Sự sẽ chẳng thành. Nói chung, Sự phải có đạo lý, nói chung là phải có Lý. Do vậy, Lý do Sự mà được phô bày. Nói cách khác, làm thế nào để hiểu rằng có Chân Như bốn tánh? Chân Như bốn tánh được hiển lộ bởi Tướng, từ Pháp Tướng hiển thị Pháp Tánh. Do đây có thể biết: Tánh và Tướng hiển lộ lẫn nhau. Chính vì có Pháp Tánh nên mới có Pháp Tướng. Chúng ta hãy dùng tỷ dụ để suy nghĩ hòng hiểu được chuyện này. Ví như chúng ta nằm mộng, cái tâm tạo ra giấc mộng là Lý, cảnh giới trong mộng là Sự. Cảnh

giới trong mộng do đâu mà có? Đương nhiên là do Lý biến hiện ra, do cái tâm nằm mộng của quý vị mà có. Quán sát cảnh giới trong mộng thì cái tâm của quý vị ở chỗ nào? Mộng chính là tâm. Tâm của quý vị như thế nào, tức là khi quý vị nằm mộng thấy như thế nào, tâm quý vị là như thế đó. Do vậy, cái tâm tạo ra giấc mộng là thật, vĩnh viễn chẳng biến đổi, bất sanh, bất diệt, đó là Lý; còn Sự thì sao? Sự là pháp sanh diệt. Quý vị mỗi đêm nằm mộng, từ trước đến giờ chưa hề nằm mộng giống nhau. Cái tâm nằm mộng hoàn toàn giống hết, nhưng mỗi giấc mộng trước nay chẳng hề giống nhau. Điều này cho thấy quả thật mỗi pháp mỗi sai biệt, mỗi pháp phân chia rạch ròi, [về mặt Sự thì có] nhưng về Lý thì không có. “*Lý do Sự hiển, Sự đắc Lý thành*” (Lý do Sự mà hiển lộ, Sự do Lý mà được thành). Do vậy, Lý và Sự dung thông lẫn nhau, giống như cảnh giới trong mộng là tâm, tâm là mộng cảnh, chẳng khác nhau!

“*Giới*” có hai ý nghĩa: Một là Tánh, hai là Phân (phân biệt). “*Tánh - Phân giao triệt*” (Tánh và Phân thông thấu lẫn nhau): Vốn là cùng một chuyện, chẳng phải hai! Do vậy, Lý và Sự vô ngại. Lý Sự vô ngại là Tánh và Tướng giống hết như một, Tánh và Tướng chẳng hai. Người giác ngộ thấy Tướng sẽ thấy Tánh, vì Tánh và Tướng không hai. Nếu từ Tướng mà thấy được Tánh thì quý vị hãy nghĩ xem, có lẽ nào chẳng bình đẳng? Điều bình đẳng hết! Thế nhưng chúng ta phải làm sao mới thấy được? Nhất định phải là nhất tâm bất loạn. Do vậy người tu hành nói tới công phu, công phu là gì vậy? Chuyện gì quý vị cũng biết, lấy từ Đại Tạng Kinh ra bất cứ pháp nào cũng giảng được, giảng đến mức hoa trời rơi tán loạn, có được coi là công phu hay không? Chẳng kể là công phu! Công phu là gì? Trong hết thấy cảnh giới, như như bất động, đó là công phu. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần mà có thể chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, lại còn có thể biết rành mạch, phân minh, đó là công phu!

Do vậy, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần là Định Huệ Song Tu. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã nói: “*Định Huệ đẳng trì*” (Giữ cho Định và Huệ cân bằng). Ất phải là người có công phu thì mới có tư cách tham học, vì sao? Người ấy chẳng bị dao động. Ngay cả những điều dị đoan đưa đến trước mặt người ấy thì sẽ như các vị đại đức bên Thiên Tông đã ví von: “*Hồng lô điểm tuyết, lập tức tiêu dung*” (mảnh tuyết chạm vào lò lửa lớn liền lập tức tan mất), người ấy có bản lãnh đó. Công phu của người ấy đã chín muồi, giống như lò lửa cháy đỏ rực, có sức nóng cao dường ấy, hoa tuyết bị thổi rớt vào đó sẽ chẳng còn dấu vết gì, có bản lãnh ấy! Đến khi đó, chẳng những Lý Sự vô ngại mà còn Sự Sự vô ngại. Bất

luận tiếp xúc cảnh giới nào, thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng thế, hễ người ấy tiếp xúc liền biến thành Định - Huệ. Người ấy chẳng sanh phiền não, chẳng động tâm. Chẳng động tâm là thành tựu Định, rành rẽ phân minh là thành tựu Huệ; đối với người ấy mà nói, chẳng có chướng ngại! Bất luận pháp môn nào, pháp thể gian hay xuất thế gian, người ấy đều “*chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”, người ấy tu điều này. Niệm Phật là một câu Phật hiệu niệm đến tột cùng, câu Phật hiệu là Vô Lượng Giác. Giác tâm như như, bất động, giác tướng là thanh tịnh vô nhiễm. Khởi tâm động niệm, chấp trước, mê mờ đều chẳng phải là chân tâm, mà là mê tâm, vọng tâm. Đối với chân tâm, Lục Tổ đã nói rất hay: “*Vốn chẳng có một vật, nào sợ nhuộm bụi trần*”. Đây là chân tâm. Trong tâm hễ có một chuyện gì thì đều là vọng tâm.

Đối với người niệm Phật chúng ta, mỗi câu Phật hiệu đều đánh thức giác tâm của chúng ta, vô lượng giác mà! Nam-mô A Di Đà Phật là “quy y Vô Lượng Giác”. Do vậy, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, pháp môn này quả thật là bậc nhất: Từng tiếng đánh thức quý vị hãy giác chứ không mê. Đã là giác nhất định sẽ chánh, chánh chứ không tà, nhất định sẽ tịnh, tịnh chứ không nhiễm. Quý vị không thành Phật thì còn ai thành Phật nữa đây? Pháp môn này đơn giản, dễ dàng, lại ổn thỏa, thích đáng, thành tựu trong đời này. Trong hết thảy pháp môn, quý vị đến đâu để kén chọn nữa? Đến đâu để tìm nữa? Nhìn từ mặt tác dụng, ở đây là nhìn vào mặt Lý Sự vô ngại. Càng chẳng thể nghĩ bàn hơn nữa là Sự Sự vô ngại sẽ được giảng trong phần tiếp theo:

(Diễn) Sự Sự vô ngại pháp giới giả, nhất thiết phân tế sự pháp xưng tánh dung thông, nhất đa tương tức, đại tiểu hỗ dung, trùng trùng vô tận cố.

(演) 事事無礙法界者，一切分齊事法稱性融通，一多相即，大小互融，重重無盡故。

(Diễn: Sự Sự vô ngại pháp giới là hết thảy phân chia rõ ràng, sự và pháp xưng tánh dung thông, một chính là nhiều, nhiều chính là một, lớn và nhỏ dung nhập lẫn nhau, tầng tầng vô tận).

Đoạn này giảng Sự Sự vô ngại pháp giới là gì, “*nhất thiết phân tế sự pháp*” (hết thảy sự và pháp phân chia rõ ràng). Câu này bao quát hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Đã là bao quát hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian thì quý vị phải nhớ: Vô lượng pháp môn trong các tông phái Đại, Tiểu, Quyền, Thật của Phật pháp đương nhiên cũng được

gộp vào trong ấy, chẳng có pháp nào ở ngoài. Không có pháp nào chẳng xứng tánh, không có pháp nào chẳng viên dung. Do vậy, mới nói: “*Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp!*” Nếu quý vị còn thấy pháp môn này cao, pháp môn kia thấp, tức là tâm không nhất, chẳng phải là nhất tâm. Cao cũng thế, mà thấp cũng thế; nói cách khác, cao thì quý vị chẳng bước vào được, thấp thì quý vị cũng chẳng có phần. Tất cả đều chẳng có phần, Phật pháp khó là khó ở chỗ này. Cô đức nói: “*Một kinh thông, hết thấy kinh thông*”, thông gì vậy? Thông suốt đạo lý này. Làm sao để có thể thông? Hết nhất tâm bèn thông. Tâm bình đẳng bèn thông. Tâm thanh tịnh bèn thông. Khi ấy, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thông, vì sao đều thông? Vì xứng tánh viên dung, chẳng có pháp nào chẳng xứng tánh, viên dung.

“*Nhất đa tương tức*”: Một chính là nhiều, nhiều chính là một. Do vậy, vô lượng kiếp có thể rút gọn thành một sát-na, một sát-na có thể mở rộng thành vô lượng kiếp. Vô lượng vô biên Hằng hà sa côi nước có thể đặt trong một vi trần, trong một vi trần lại có thể hiện vô lượng vô biên Hằng sa côi Phật. Đây chính là “*nhất đa tương tức, đại tiểu hõ dung*”. Chuyện này là thật. Nếu là dài thì như chúng tôi giảng đoạn này, không có bao nhiêu trang mà phải giảng mười mấy lần. Nếu nói cặn kẽ sẽ có thể giảng đến ba năm, ba mươi năm mà vẫn giảng chưa xong hai hàng ngàn ngúi như thế này. Há chẳng phải là “*một chính là nhiều, nhiều chính là một, lớn và nhỏ dung nhiếp lẫn nhau*” ư?

Trong quá khứ, tôi đã từng giảng bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông, giảng sáu năm mới được nửa bộ. Tôi ở Đài Trung giảng kinh Kim Cang cho các đồng học, trong sáu giờ đã giảng xong toàn bộ bản kinh. Cùng một bộ kinh, có thể giảng xong trong sáu tiếng đồng hồ, hoặc sáu năm cũng chỉ mới giảng được một nửa, nếu chẳng phải là hết thấy pháp “*xứng tánh dung thông*” sẽ không thể nào xảy ra được! Do vậy, kinh điển có thể giảng dài, có thể giảng ngắn, có thể giảng nông cạn, có thể giảng sâu xa, không gì chẳng tự tại! Đây chính là Sự Sự vô ngại pháp giới, hy vọng quý vị sẽ từ chỗ này mà thấu hiểu.

(Diễn) Bất khả tư nghị, phối Sự Sự vô ngại giả.

(演) 不可思議，配事事無礙者。

(Diễn: Đem bất khả tư nghị phối hợp với Sự Sự vô ngại thì...)

Vì sao dùng câu “*bất khả tư nghị*” để nói nó là Sự Sự vô ngại pháp giới?

(Diễn) *Dĩ tiền tam pháp giới, đồng giáo Nhất Thừa, do khả tư nghị.*

(演) 以前三法界，同教一乘，猶可思議。

(Diễn: *Do ba pháp giới trước (tức Lý pháp giới, Sự pháp giới, Lý Sự vô ngại pháp giới) là pháp phổ cập trong Nhất Thừa, vẫn còn có thể nghĩ bàn được).*

“Đồng giáo” là so với Biệt giáo trong phần sau mà nói. Ở đây, Biệt Giáo chẳng phải là Biệt Giáo trong Tạng, Thông, Biệt, Viên, mà có nghĩa là đặc biệt. “Đồng” là phổ cập, trong hết thấy các pháp Đại Thừa đều có ý nghĩa này, “dĩ tiền tam pháp giới” chính là Lý pháp giới, Sự pháp giới, Lý Sự vô ngại pháp giới, “đồng giáo Nhất Thừa, do khả tư nghị” (những pháp phổ cập trong Nhất Thừa vẫn còn có thể nghĩ bàn), vẫn chẳng phải là khó hiểu cho lắm, vẫn là có thể nghĩ bàn, so ra, chúng dễ hiểu hơn Sự Sự vô ngại rất nhiều. Sự Sự vô ngại thật sự khó hiểu, nhất là đối với người mới học, cảnh giới này có thể nói thẳng thừng, đơn giản là “không có cách gì tin tưởng được!”

(Diễn) *Hậu nhất duy Hoa Nghiêm Biệt giáo Nhất Thừa, bất khả tư nghị dã.*

(演) 後一唯華嚴別教一乘，不可思議也。

(Diễn: *Chỉ có pháp giới sau cùng (Sự Sự vô ngại pháp giới) là Biệt giáo Nhất Thừa của Hoa Nghiêm là chẳng thể nghĩ bàn).*

Chính là Sự Sự vô ngại pháp giới. Thật ra, bốn pháp giới này hoàn toàn ở trong cuộc sống thường ngày của chúng ta nhưng chúng ta mê, còn Sự Sự pháp giới là ngộ, được gọi là Nhất Chân pháp giới. Sự là Tướng, Lý là Thể; Lý Sự vô ngại và Sự Sự vô ngại là Dụng. Thể - Tướng - Dụng là một mà ba, tuy ba nhưng một, không một ai trong chúng ta chẳng như vậy! Chắc cũng có vị hỏi: Đã là bốn pháp giới đều ở trước mắt chúng ta, vậy thì có thể nêu lên một thí dụ để diễn tả Sự Sự vô ngại pháp giới hay không? Có thể chứ! Cảnh giới bên ngoài rất lớn, tròn mắt chúng ta rất nhỏ, nhưng tròn mắt của chúng ta có thể thấy cảnh giới bên ngoài rõ ràng, rành mạch, phân minh. Đó chính là “*giới tử nạp Tu Di*” (núi Tu Di bỏ vào trong hạt cải). Tròng mắt giống như hạt cải, cảnh giới bên ngoài giống như núi Tu Di, chứa vào trong ấy (tròng mắt): Cảnh giới bên ngoài chẳng rút nhỏ, tròn mắt của chúng ta chẳng phình to. Tròng mắt giống như cái máy

chụp hình chụp hết thấy tướng cảnh giới, tạo thành Tướng Phần trong Nhãn Thức. Tướng Phần của Nhãn Thức và Tướng Phần của cảnh giới bên ngoài to như nhau. Trong cảm giác của quý vị, chúng hoàn toàn giống hết nhau. Thức thứ sáu, tức Ý Thức, là phân biệt, thức thứ bảy là chấp trước, duyên gì? Chẳng duyên vào tướng cảnh giới bên ngoài mà hoàn toàn duyên theo Tướng Phần của Nhãn Thức. Từ Tướng Phần của Nhãn Thức truyền đạt, biến thành Tướng Phần của thức thứ sáu, tức Ý Thức, và chuyển biến thành Tướng Phần của thức thứ bảy là Mạt Na. Thức thứ sáu và thức thứ bảy cảm nhận [ngoại cảnh] vẫn to lớn giống hết như cảnh giới bên ngoài. Điều này được bày rõ trước mắt chúng ta, được sử dụng suốt ngày từ sáng đến tối, Sự Sự vô ngại, đáng tiếc là chúng ta không hiểu! Lý Sự vô ngại, Lý vô ngại, Sự vô ngại, càng chẳng cần phải nói tới nữa!

Ngộ thì gọi là Nhất Chân, ngộ thì là Phật, Bồ Tát, mê là phàm phu. Mê thì chỗ nào cũng là chướng ngại, bất luận trong bất cứ một pháp nào, quý vị luôn khởi phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Giác ngộ rồi thì những thứ ấy đều không còn nữa, nhà Thiền bảo là *“mảnh tuyết rơi vào lò lửa lớn, lập tức tan mất”*; vừa tiếp xúc liền biến thành trí huệ, biến thành Đại Định. Lũ phàm phu chúng ta đáng thương! Phàm phu vừa tiếp xúc liền biến thành phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, quý vị thấy phiền phức hay không! Bồ Tát vừa tiếp xúc, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, liền biến thành trí huệ, biến thành Thiền Định. Phàm phu vừa tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, chúng liền biến thành phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, chúng ta cần phải cảnh giác điều này.

Chúng ta nói tới Quy Y thì Quy (皈) là quay đầu, từ chỗ nào mà quay đầu lại? Từ phân biệt, chấp trước, vọng tưởng mà quay đầu lại. Y (依: nương theo) gì vậy? Nương theo Định - Huệ, Định - Huệ là giác, đó gọi là *“chân tu hành”* (tu hành thật sự), thật sự dụng công! Nếu chẳng biết phương pháp này, thưa quý vị, bất luận quý vị dùng phương thức như thế nào để tu học, rốt cuộc vẫn là tu mù, luyện đui! Vì sao nói quý vị *“tu mù, luyện đui”*? Dùng kinh Kim Cang để nói thì quý vị chẳng thể *“hàng phục kỳ tâm”*. Phương pháp tu học ấy gọi là *“tu mù, luyện đui”*. Hàng phục cái tâm chính là hàng phục phân biệt, chấp trước, vọng tưởng của quý vị! Quý vị dùng công phu ấy, tham Thiền cũng được, tham thoại đầu cũng được, quán tâm cũng được, trì chú cũng được, niệm Phật cũng được. Bất luận dùng phương pháp nào, nếu quý vị chẳng thể nhiếp tâm, chẳng thể hàng phục phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thì đều gọi là *“tu mù, luyện đui”*. Công phu không đắc lực, tu lâu vẫn chẳng thành, căn bệnh ở chỗ này!

Công phu, bất luận dùng phương thức nào, dùng hạnh môn nào, nói chung, phải cầu tâm bất động, quyết chẳng bị ngoại cảnh xoay chuyển! Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai*” (Nếu chuyển được cảnh, sẽ giống Như Lai). Quý vị chẳng bị cảnh giới chuyển, mà chuyển được cảnh giới, chuyển cảnh giới thành gì vậy? Chuyển thành Định - Huệ. Bất cứ cảnh giới nào đến trước mặt quý vị đều biến thành Định - Huệ. Đó là Như Lai, là Phật, là Bồ Tát.

Hết thấy cảnh giới đến trước mặt quý vị, ngay lập tức biến thành phiền não, biến thành tri kiến, sẽ là chuyện phiền phức lớn lắm. Biến thành tri kiến chính là vô minh, “*tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (từ trên tri kiến lại lập thêm một tri kiến, chính là cái gốc của vô minh). Đây chính là như ngài Thanh Lương đã nói: “*Tăng trưởng vô minh, tăng trưởng tà kiến*”. Còn có thể thành tựu hay chẳng? Phật pháp là phải phá tà kiến, phá vô minh, làm sao có thể tăng trưởng tà kiến, tăng trưởng vô minh cho được? Phá vô minh, Định thành tựu; phá tà kiến, Huệ thành tựu.

(Diễn) Phần nhiếp u Viên giả, hoặc viết: “Sự Sự vô ngại, duy thuộc Hoa Nghiêm, kim kinh hà đắc hữu thử?”

(演) 分攝於圓者，或曰：事事無礙，唯屬華嚴，今經何得有此。

(Diễn: “Một phần thuộc về Viên giáo”: Nếu nói: Sự Sự vô ngại chỉ kinh Hoa Nghiêm mới có, kinh này làm sao có được điều ấy?)

Nếu quý vị hiểu rõ những điều chúng tôi vừa mới nói thì quý vị nghe kẻ nào nêu lên câu hỏi này, sẽ biết trình độ của kẻ ấy là như thế nào? Người nghe kinh, nghe đến những lời đã nói trong phần trên, chẳng thể chuyển cảnh giới mà bị cảnh giới chuyển. Đây là nêu lên một thí dụ cho quý vị thấy người ấy bị cảnh giới chuyển. [Người ấy nghe xong, thắc mắc] Sự Sự vô ngại là điều kinh Hoa Nghiêm nói tới, kinh Di Đà làm sao có thể nói là Sự Sự vô ngại cho được? Vừa nghe liền khởi lên phân biệt, chấp trước, chẳng thể lập tức tiêu dung.

(Diễn) Có viết: Nhất đại thời giáo.

(演) 故曰：一代時教。

(Diễn: Cho nên nói: Giáo pháp do đức Phật đã nói trong cả một đời Ngài).

“*Nhất đại thời giáo*”: Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành đạo, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, chúng ta gọi [những kinh pháp ấy] là “*nhất đại thời giáo*”.

(Diễn) *Duy Hoa Nghiêm vi Viên.*

(演) 唯華嚴為圓。

(Diễn: *Chỉ riêng kinh Hoa Nghiêm là Viên).*

Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân, kinh Hoa Nghiêm giảng viên mãn nhất. Những kinh khác đều nhằm nêu rõ một phần giáo nghĩa nào đó [của kinh Hoa Nghiêm]. Hoa Nghiêm giảng toàn thể, hết thấy những kinh điển khác đều là giảng cục bộ.

(Diễn) *Viên vi năng nhiếp nhất thiết, cố chư kinh vô bất nhiếp quy Hoa Nghiêm.*

(演) 圓為能攝一切，故諸經無不攝歸華嚴。

(Diễn: *Viên là có thể gồm thâu hết thấy, vì thế, các kinh khác, không kinh nào chẳng được thâu nhiếp về kinh Hoa Nghiêm).*

Kinh Hoa Nghiêm là toàn thể, những kinh khác là một bộ phận. Chúng ta dùng tỷ dụ để nói thì kinh Hoa Nghiêm giống như cả tỉnh Đài Loan, hết thấy những kinh khác là các huyện thị của Đài Loan. Chúng ta hãy suy nghĩ: Có huyện thị nào chẳng nằm trong tỉnh này hay chẳng? Không có huyện thị nào tồn tại độc lập ngoài phạm vi của tỉnh này! Do đây biết rằng: Quan hệ giữa bộ phận và toàn thể hết sức mật thiết, chẳng thể chia cắt được. Kinh Hoa Nghiêm đã là viên thì có bộ kinh nào chẳng viên? Do vậy cổ đức mới nói: “*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*” (người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên). Kinh Hoa Nghiêm giảng về bản thể của toàn thể nhân sinh vũ trụ. Không chỉ hết thấy kinh do đức Phật đã nói chẳng rời ngoài cảnh giới Hoa Nghiêm, nếu chúng ta hỏi: Kinh điển của Cơ Đốc Giáo, kinh điển của Thiên Chúa Giáo, cho đến tà ma ngoại đạo thuyết pháp, có thứ gì tách rời phạm vi của Hoa Nghiêm hay chẳng? Cũng chẳng có! “*Ngoài pháp không tâm, ngoài tâm không pháp*”. Do vậy, đối với người thật sự khai ngộ, người thật sự đắc nhất tâm bất loạn, những pháp của tà ma ngoại đạo đưa đến chỗ người ấy đều là kinh Hoa Nghiêm Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, hết sức màu nhiệm, thật sự màu nhiệm chẳng thể diễn tả được! Đó mới gọi là “*viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*”, đúng là vô chướng ngại! Trong thời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, ngoại đạo đến nghe, người đến

hỏi rất nhiều, Thích Ca Mâu Ni Phật có phản đối những kẻ ngoại đạo ấy, bảo họ hãy bỏ pháp ngoại đạo quy y Phật pháp hay không? Không có! Chỉ cần nhẹ nhàng chỉ điểm cho họ, họ giác ngộ rồi thì đạo ấy sẽ là chánh đạo. Còn mê thì hằng ngày niệm A Di Đà Phật, vẫn gọi là ngoại đạo, hằng ngày giảng kinh Hoa Nghiêm vẫn là tà thuyết. Tà hay chánh được phân biệt bởi tâm, chứ không do nơi pháp, chẳng do bên ngoài.

Phàm là những phương pháp nào có thể khiến cho lòng người giác ngộ thì gọi là Phật pháp. Phàm là những phương pháp nào khiến cho lòng người mê hoặc thì gọi là tà pháp. Nói như vậy gọi là nói phương tiện, chứ không phải là nói chân thật. Nói chân thật thì trong các pháp ấy, không có tà hay chánh. Nói thật ra, hết thấy pháp đưa đến trước mặt quý vị đều biến thành Định - Huệ, chẳng có tà hay chánh. Từ vô thủy kiếp đến nay, quý vị đã mê muội quá lâu, quá sâu, đập một gậy chưa tỉnh được, bèn nói pháp phương tiện với quý vị. Nếu đập một gậy mà quý vị tỉnh ngay thì chẳng nói pháp phương tiện, mà nói pháp chân thật. Những kẻ như bọn chúng ta, đừng nói là một gậy, mười gậy, một trăm gậy cũng không tỉnh ngộ, chỉ đành nói pháp phương tiện. Thế nhưng chúng ta phải ghi nhớ: Ngoài pháp phương tiện còn có pháp chân thật, trong pháp chân thật là Sự Sự vô ngại pháp giới. Hết thấy các kinh tuy chẳng phải là thuần viên, nhưng nó cũng có một phần giáo nghĩa viên mãn. Một phần giáo nghĩa viên mãn ấy nếu gặp kẻ căn tánh viên mãn thì một phần viên ấy sẽ biến thành thuần viên; gặp kẻ mê thì đừng nói là một phần, [ngay cả] kinh Hoa Nghiêm thuần viên cũng biến thành chẳng viên. Chuyện là như vậy đó! Ở đây, đại sư kết luận:

(Diễn) *Kim thử kinh hữu thiểu phần Sự Sự vô ngại, cố đắc phần nhiếp u viên dã.*

(演) 今此經有少分事事無礙，故得分攝於圓也。

(Diễn: *Nay kinh này có chút phần Sự Sự vô ngại, vì thế, được xếp vào loại viên mãn một phần).*

Nêu lý do vì sao nói kinh này cũng chứa đựng giáo nghĩa viên mãn, từ đoạn này, gộp cả bốn pháp giới để chỉ rõ cho chúng ta. Đến chỗ này, quý vị hãy coi kỹ đoạn văn chúng ta vừa đọc sẽ thấy ý nghĩa rất rõ ràng. “*Thanh, trước, hướng, bối*” đều là nói về Sự, trong Sự mới có thanh, trước, hướng, bối, chứ trong Lý không có. Những điều này đều nhằm nói tới Sự pháp giới. “*Linh minh trạm tịch*”: Linh minh là Huệ, trạm tịch là Định, Định - Huệ là Lý pháp giới. “*Linh minh trạm tịch nhi bất biến tùy*

duyên”: Linh minh trạm tịch là Chân Như bốn tánh, bốn tánh bất biến, bất biến nhưng có thể tùy duyên. Đây là nói Tánh Thể bất biến nhưng tùy duyên. Nói theo phương diện hiện tướng (biên hiện hình tướng), “*thanh trước hướng bối nhi tùy duyên bất biến*” (trong, đục, hướng về, trái nghịch tùy duyên nhưng bất biến): Tuy trên mặt sự tướng là tùy duyên, nhưng Thể Tánh của nó bất biến. Hai câu này chúng ta thường nghe nói. “*Bất biến tùy duyên*” là nói theo mặt Tánh. “*Tùy duyên bất biến*” là nói theo mặt Tướng. Hai câu này hoàn toàn chẳng phải là trùng lặp, đây là Lý Sự vô ngại pháp giới. “*Bất khả tư nghị, thị Sự Sự vô ngại pháp giới*” (“*Chẳng thể nghĩ bàn*” là Sự Sự vô ngại pháp giới): Ý nghĩa hết sức rõ ràng. Đến cuối cùng là lời quy kết bản kinh này “*phản nhiếp ư Viên, diệc đắc thiểu phần Sự Sự vô ngại cố*” (thuộc về Viên một phần, vì kinh này cũng có chút phần Sự Sự vô ngại vậy). Đến cuối cùng quy về tự tánh, ở đây đã giảng tự tánh quá rõ ràng, nó chính là nhất tâm. “*kết thuộc Tứ Pháp Giới quy nhất tâm dã*” (quy kết bốn pháp giới về nhất tâm).

(Diễn) *Nhiên Thông Tự Đại Ý tiên minh tánh giả, nhất thiết pháp môn toàn quy tự tánh.*

(演) 然通序大意先明性者，一切法門全歸自性。

(Diễn: *Nhưng phần Thông Tự Đại Ý trước hết giảng rõ về Tánh là vì hết thấy pháp môn hoàn toàn quy vào tự tánh.*)

Trong đoạn tổng kết này, kết luận rất hay. Nói thật ra, đoạn lời Tựa này của bộ Sớ Sao là tông cương lãnh tu học Đại Thừa Phật pháp. Bất luận tu học một tông nào hay một phái nào, nếu quý vị hiểu rõ tông cương lãnh này, nắm chắc tông cương lãnh này, sẽ đều có thành tựu. Nếu quý vị mê mất tông cương lãnh này, phiền phức rất nhiều, chắc chắn mê mất phương hướng. Đoạn văn này rất trọng yếu. Đoạn thứ nhất trong lời tựa giảng giải về tánh là vì đạo lý này.

“*Nhất thiết pháp môn toàn quy tự tánh*”: Nói theo nghĩa hẹp, hết thấy các pháp môn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng hoàn toàn từ Chân Như tự tánh lưu lộ. Do vậy, vẫn quy về tự tánh. Lại mở rộng phạm vi thì hết thấy các pháp môn do mười phương ba đời hết thấy chư Phật đã nói cũng đều hoàn toàn quy về tự tánh. Nếu mở rộng hơn nữa, có pháp nào trong y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng do tự tánh biên hiện?

(Diễn) *Thiên kinh sở diễn vô hữu dư nhân.*

(演) 千經所演無有餘因。

(Diễn: Ngàn kinh được diễn giảng chẳng do nhân nào khác).

Từ ngữ “*thiên kinh*” chỉ hết thầy kinh, ngàn kinh, vạn luận. Chữ “*thiên*” này không phải là một con số nhất định, mà là tỷ dụ, nhằm chỉ hết thầy kinh luận. “*Diễn*” có hai ý nghĩa: Một là diễn nói, hai là biểu diễn. Giống như Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần là biểu diễn. “*Vô hữu dư nhân*”: Không có nhân duyên nào khác! Nhân duyên gì vậy? Không gì chẳng nhằm hiển thị tự tánh mà thôi. Không gì chẳng nhằm dạy chúng ta giác ngộ chân tánh, đây là Phật pháp! Do vậy, Phật pháp chẳng phải là học thuật, đạo lý là ở chỗ này. Đại sư Âu Dương Cánh Vô⁴ nói rất hay: “*Phật pháp chẳng phải là tôn giáo*”. Tôn giáo là mê tín. Tôn giáo là phải ngưỡng mộ, dựa dẫm người khác giúp đỡ mình, phải cậy vào người khác. Phật pháp cậy vào chính mình, chứ không cậy người khác. “*Phật pháp chẳng phải là triết học*”, vì sao? Triết học chẳng tách rời Năng và Sở. Nói cách khác, có Năng và Sở là cầu pháp ngoài tâm. Phật pháp tuy có phân tích, nhưng nó chẳng phải là phân tích pháp nào khác mà là tự phân tích chính mình. Do vậy, nó được gọi là Nội Học là vì ý nghĩa này. Đối với Phật pháp, chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này: Nó chẳng phải là tôn giáo, chẳng thể mê tín, chẳng phải là học thuật. Chẳng phải là học thuật thì không thể dùng cái tâm ý thức. Học thuật thế gian sanh từ tâm ý thức, hết thầy ngôn thuyết và hết thầy văn tự của Phật đều sanh từ Chân Như bản tánh, đây chính là chỗ bất đồng lớn nhất. Đoạn này nhằm

⁴ Âu Dương Cánh Vô (1871-1943) tên thật là Âu Dương Tiệm, tự là Cánh Vô, còn có tên tự là Kính Hồ, là người huyện Nghi Hoàng, tỉnh Giang Tây. Ông là học trò của tiên sinh Dương Nhân Sơn. Do nghe thầy giảng Hoa Nghiêm Pháp Tướng bèn quy hướng Phật giáo. Năm 36 tuổi khi mẹ mất, ông đoạn tuyệt sắc dục, ăn chay trường, tuy không xuất gia, nhưng sống hạnh xuất gia. Ông được coi là bậc thầy về Quốc Học, và là một chuyên gia về Duy Thức đầu thời Dân Quốc, sáng lập Chi Na Nội Học Viện, Pháp Tướng Đại Học, nhưng do chiến cuộc, các học viện này không thể duy trì lâu dài. Sau khi Trung Hoa kháng Nhật thành công, ông tái lập Chi Na Nội Học Viện tại Giang Tân, tỉnh Tứ Xuyên, rồi mất vì bệnh phổi tại đó vào năm 1943. Môn nhân biên tập các di cảo thành bộ Cánh Vô Nội Ngoại Học. Tác phẩm này bị thất lạc do tình thế rối ren tại Hoa Lục sau khi Mao Trạch Đông nắm quyền, chỉ còn một phần được nhà xuất bản Văn Phong tại Đài Loan ấn hành với tựa đề Âu Dương Đại Sư Di Tập, trong đó bao gồm những bài luận định nổi tiếng của ông như Duy Thức Quyết Trạch Đàm, Đối Không Hữu Chư Tông Diễn Tịch Chi Tự Luận, Du Già Sư Địa Luận Tự, Chi Na Nội Học Viện Huấn Thích v.v...

nói lên ý nghĩa: Trong hết thầy kinh luận nhà Phật, đức Phật nói điều gì, làm điều gì, sau khi chúng ta đã hiểu rõ, lại đọc tác phẩm này.

(Diễn) *Kim thử niệm Phật vãng sanh, tất tiên minh tự tánh Di Đà vi bốn, nhiên hậu nhất tâm xưng danh, cầu nguyện vãng sanh, tất ư bảo sát tốc chứng Vô Sanh, trực nhập thánh giai, độ sanh diệc quảng. Sở vị: “Tiên ngộ Tỳ Lô pháp giới, hậu tu Phổ Hiền hạnh môn” dã.*

(演) 今此念佛往生，必先明自性彌陀為本，然後一心稱名求願往生，必於寶剎速證無生，直入聖階度生亦廣。所謂先悟毘盧法界，後修普賢行門也。

(Diễn: *Nay pháp Niệm Phật vãng sanh này, ắt trước hết phải chỉ rõ “lấy tự tánh Di Đà làm gốc” rồi mới nhất tâm xưng danh, cầu nguyện vãng sanh, ắt sẽ ở trong cõi báu mau chứng Vô Sanh, lên thẳng bậc thánh, hóa độ chúng sanh cũng rộng. Đây gọi là: “Trước hết ngộ pháp giới Tỳ Lô, sau đó tu hạnh môn Phổ Hiền”).*

Câu này nói rất rõ ràng, thật sự khó có! Bởi vậy, pháp môn Niệm Phật chẳng dễ dàng! Tuy là “*vạn người tu, vạn người đến*”, nhưng nếu quý vị không hiểu rõ nguyên tắc, nguyên lý này, một câu Phật hiệu sẽ niệm chẳng tương ứng, niệm chẳng đắc lực, đạo lý ở chỗ này! Phật Thích như chúng ta thường nói chính là pháp hội Phật Thích, đúng như thầy Lý đã bảo là “pháp hội náo nhiệt mà thôi!” Như thế nào mới có thể gọi là đã Phật thất? Do quý vị chẳng biết cách niệm một câu thánh hiệu A Di Đà Phật ra sao thì quý vị đã Phật Thất bằng cách nào? Nói nghiêm ngặt, muốn nghiêm túc đã Phật Thất thì phải thảo luận cặn kẽ các sách A Di Đà Kinh Sớ Sao và A Di Đà Kinh Yêu Giải xong rồi mới đã Phật Thất, rất giống như chuyện sau đây: Giống như học hành, đã Phật Thất là muốn đi thi, không học gì thì đi thi cái gì? Không cách chi đâu được! Học cho giỏi rồi mới đi thi. Giáo nghĩa chẳng hiểu rõ, Phật hiệu chẳng tương ứng, tu mù, luyện đui thì đã Phật Thất cái gì đây? Thốt ra lời ấy, người ta đều nói chúng ta quá ngông cuồng, quá ngạo mạn, coi thường người khác. Nay đối trước bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa này, quý vị hãy suy nghĩ xem có đúng như vậy hay không?

Chúng tôi muốn giảng bộ kinh này ba năm. Tồn ba năm để thông suốt đạo lý Tịnh Độ, quả thật là thuận tiện, quá sức thuận tiện! Vô lượng kiếp, trăm ngàn vạn kiếp không hiểu rõ, không gặp được, nay đã gặp được, tồn ba năm công phu để hiểu cho rõ ràng, quả thật là may mắn to lớn! Sau

khi đã hiểu rõ, mới biết cách niệm một câu Phật hiệu như thế nào, mới biết làm như thế nào để mỗi tiếng niệm Phật đều đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương. Trọn đủ Định Học thì Phật hiệu có thể đoạn Kiến Tư phiền não. Đầy đủ Huệ Học thì Phật hiệu có thể phá căn bản vô minh. Đầy đủ Tam Tư Lương sẽ quyết định Thượng Phẩm Thượng Sanh, thành tựu trong một đời. Nói đến niệm Phật vãng sanh thì trước hết nhất định phải hiểu rõ “*tự tánh Di Đà*”, đây là căn bản lý luận của pháp môn Niệm Phật. Muốn hiểu rõ chuyện này, phải nghiên cứu, thâm nhập cặn kẽ bộ Di Đà Kinh Sớ Sao thì mới được.

“*Nhiên hậu nhất tâm xưng danh cầu nguyện vãng sanh*” (sau đây, nhất tâm xưng danh, cầu nguyện vãng sanh): Bắt đầu tu hành. Trước hết đã hiểu rõ rồi, thưa với quý vị, trong Tam Tư Lương, Tín và Nguyện đã kiến lập. Quý vị có chân tín, nguyện thiết, rồi mới tu hành. Tu hành: Quý vị đọc rõ ràng mấy chữ sau đây “*nhất tâm xưng danh*”. Quý vị tu hạnh gì vậy? Tu nhất tâm! Dùng nhất tâm để xưng danh, dùng xưng danh đạt đến nhất tâm, có ý nghĩa như vậy đó! Câu này hết sức quan trọng! Chúng ta hãy nghĩ xem: Trong cảnh giới, chúng ta bị ngoại cảnh lay động, đánh mất nhất tâm. Do vậy, từ đầu đến cuối phải gìn giữ nhất tâm. Thấy sắc, nghe tiếng, bất cứ thứ gì đoạn nào cũng trọn chẳng thể phá hoại ta nhất tâm xưng danh. Nó chẳng thể phá hoại quý vị nhất tâm xưng danh mà còn giúp quý vị đạt nhất tâm xưng danh. Đây là đạo lý nhất định: Nó chẳng thể phá hoại thì sẽ giúp quý vị thành tựu; nếu nó chẳng thể thành tựu quý vị thì sẽ phá hoại quý vị. Dự đoán, tà thuyết đưa đến trước quý vị, quý vị tiếp xúc nó nhưng vẫn nhất tâm, vẫn là A Di Đà Phật, trọn chẳng bị nó lay động. Điều này tùy thuộc vào công phu của quý vị, công phu đã đạt đến mức “*tám gió thổi chẳng động*” thì sẽ là cảnh giới tốt đẹp. Vừa mới thấy hay nghe liền khởi tâm phân biệt, chấp trước thì là dao động; tuy hằng ngày niệm Phật mà công phu chẳng đắc lực, vì sao? Gió cảnh giới nhỏ nhoi vừa thổi, nhất tâm liền mất tiêu!

Do vậy, phải trải qua sự việc để luyện tâm ngay trong cảnh giới, luyện cái tâm gì vậy? Luyện nhất tâm xưng danh, tu nhất tâm, phương pháp là xưng danh. Dùng phương pháp này, quyết định chẳng thay đổi. Giống như trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: “*Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (Chẳng nhờ đến phương tiện [nào khác] mà tâm tự khai ngộ). “*Tâm khai*” là khai ngộ, đại triệt đại ngộ. Chẳng cần nhờ vào bất cứ phương thức nào để trợ giúp, chẳng cần phải tham cứu, cũng chẳng cần phải trì chú, chẳng cần thêm bất cứ pháp nào khác, cứ một câu danh hiệu niệm đến tột cùng. Nhất tâm xưng niệm, niệm đến nhất tâm,

công phu thành tựu. Còn có một câu hết sức yếu khẩn nữa, niệm niệm phải cầu sanh về Tây Phương, “*cầu nguyện vãng sanh*”, vì sao? Vì mục đích của chúng ta là Vô Thượng Đạo. Đọc kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy: Tu bất cứ pháp môn nào cũng có thể đạt đến Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng để thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhất định phải ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Điều này chỉ rõ: *Cầu nguyện vãng sanh nhằm thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*, ngàn vạn phần chớ nên coi thường! Quý vị đem kinh này và Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh hợp lại để xem thì quý vị mới thật sự hiểu rõ, thật sự giác ngộ, phát hiện bí quyết trong Phật môn, mà cũng có thể nói: Đây chính là bí mật trong Phật môn.

“*Tất u bảo sát*” (ắt ở trong cõi báu): “*Bảo sát*” là Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*tốc chứng Vô Sanh*” (mau chứng Vô Sanh): Vô Sanh là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Mau chứng Vô Sanh là Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. “*Trực nhập thánh giai*” (vào thẳng địa vị thánh): “*Thánh giai*” là Thập Địa Bồ Tát. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là bậc Địa Thượng Bồ Tát trong Viên Giác. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng gọi là Tam Hiền, “*thánh giai*” là Thập Địa. “*Độ sanh diệc quảng*”: Thành tựu của chính mình đã cao, mà hóa độ chúng sanh cũng hết sức rộng lớn.

“*Sở vị tiên ngộ Tỳ Lô pháp giới*” (Đó gọi là ngộ pháp giới Tỳ Lô trước): Tỳ Lô là Tỳ Lô Giá Na Phật. Pháp giới của Tỳ Lô Giá Na Phật (Tỳ Lô pháp giới) chính là bốn thứ vô ngại pháp giới như trong phần trên đã nói, kinh Hoa Nghiêm gọi [Tỳ Lô pháp giới] là Nhất Chân pháp giới hoặc “*bất tư nghị giải thoát cảnh giới*”. “*Hậu tu Phổ Hiền Hạnh môn*” (sau đây tu Phổ Hiền Hạnh môn): Điều chủ yếu nhất trong Phổ Hiền Hạnh môn là Niệm Phật.

(Diễn) Thiết sử bất minh tánh thể, vọng ý tạo tu, túng đắc vãng sanh, chỉ thành mạt phẩm, tiên minh tự tánh ý tại tư hồ.

(演)設使不明性體，罔意造脩，縱得往生，祇成末品。先明自性意在斯乎。

(Diễn: Nếu chẳng hiểu tánh thể, cứ tu bừa đi, dầu có được vãng sanh thì chỉ đạt được phẩm cuối cùng, [sách Sớ Sao] trước hết giảng rõ tự tánh là do ý này).

Nếu chẳng hiểu rõ căn cứ lý luận tu học, “*vọng ý tạo tu*” là tu mù, luyện đui, đối với đạo lý chẳng biết gì hết. Nay đã hết giờ rồi!